

Số: 12 /QĐ-UBND

Tiên Động, ngày 17 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán chi Ngân sách xã năm 2022
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIỀN ĐỘNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 14791/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tứ Kỳ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi Ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số:06/NQ-HĐND ngày 10/01/2022 của HĐND xã Tiên Động tại kỳ họp thứ 2 nhiệm kỳ 2021-2026 ngày 10/01/2022 về việc phê duyệt dự toán thu-chi ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Tài chính-Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi Ngân sách xã năm 2022 cho các khối sử dụng ngân sách xã, xã Tiên Động năm 2022 như sau:

(có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nếu nhiệm vụ thu không đạt chỉ tiêu nhà nước giao nhiệm vụ chi sẽ bị giảm chi theo tỷ lệ tương ứng, trong quá trình chi mà khoản dự phòng không dùng đến sẽ được bổ sung cho các khối để thực hiện nhiệm vụ chi vào tháng 11. Dự toán chi được thực hiện khi nhiệm vụ chi được xác định và đã hoàn thành có chứng từ hợp pháp, hợp lệ, hợp lý, Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tài chính-Kế toán, các khối sử dụng ngân sách căn cứ Quyết định tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND xã;
- Đảng ủy xã;
- Tài chính xã;
- Các khối sử dụng NS;
- Niêm yết tại một cửa;
- Lưu. VP, Tài chính xã,



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Liệu



ĐỰ TOÁN GIAO NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của Chủ tịch UBND xã Tiên Động)

STT	Khối sử dụng ngân sách	Tổng	Chi con người	Chi hoạt động	Đề tiết kiệm	Đề dự phòng
1	Đảng ủy	761.332.670	572.270.670	148.836.000	25.000.000	15.226.000
2	HĐND	454.871.090	305.071.090	135.703.000	5.000.000	9.097.000
3	UBND	1.571.826.470	1.153.772.790	359.564.680	27.000.000	31.489.000
	Chi đầu tư cơ sở vật chất	300.000.000		300.000.000		
	Chi đầu tư xây dựng	500.000.000		500.000.000		
4	MTTQ VN	248.816.580	170.816.580	70.024.000	3.000.000	4.976.000
5	ĐTNCSHCM	139.107.000	91.707.000	42.618.000	2.000.000	2.782.000
6	HLHPNVN	142.303.130	122.903.130	14.554.000	2.000.000	2.846.000
7	Hội NDVN	91.014.350	71.614.350	17.580.000		1.820.000
8	Hội CCBVN	105.974.100	64.574.100	37.281.000	2.000.000	2.119.000
9	Đài truyền thanh	80.435.600	33.435.600	45.392.000		1.608.000
10	Văn hóa thông tin	28.000.000		25.440.000	2.000.000	560.000
11	HĐ thể dục thể thao	33.000.000		32.340.000		660.000
12	Quân sự quốc phòng	296.267.410	171.267.410	125.000.000		
13	An ninh trật tự	105.400.000	66.156.000	36.136.000	1.000.000	2.108.000

STT	Khối sử dụng ngân sách	Tổng	Chi con người	Chi hoạt động	Để tiết kiệm	Để dự phòng
14	Chi sự nghiệp xã hội	245.412.000	189.312.000	51.192.000		4.908.000
15	Chi hội Người cao tuổi	16.622.000	11.622.000	5.000.000		
16	Chi hội chữ thập đỏ	19.161.600	14.661.600	4.500.000		
17	Chi hội chất độc da cam	13.728.000	10.728.000	3.000.000		
18	Chi hội thanh niên xung phong	13.728.000	10.728.000	3.000.000		
19	Hoạt động thú y	3.000.000		3.000.000		
20	Chi sự nghiệp kinh tế	95.000.000		93.100.000		1.900.000
	Tổng	5.265.000.000	3.060.640.320	2.053.260.680	69.000.000	82.099.000